

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ
Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước
thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định về nội dung chi và
mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và thay thế các Quyết định sau:

(1) Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên.

(2) Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên.

(3) Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; (B/c)
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Trường Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm TH và Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP, CV các khối (HSCV);
- Lưu: VT, KTN_(NNT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /2021/QĐ-UBND ngày 19 / 01/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định cụ thể về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo chương trình khuyến nông của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt công khai trên hệ thống thông tin điện tử của tỉnh; Kế hoạch khuyến nông hàng năm do Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt.

2. Nguồn kinh phí thuộc các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu khuyến nông và chuyển giao công nghệ.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và được vận dụng các quy định tại Quy định này để thực hiện hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Chương II NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương

trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND).

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp và các quy định liên quan.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ.

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ (khi được bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo):

Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND).

Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND; hỗ trợ tiền đi lại không quá 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác

(nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND; hỗ trợ tiền đi lại không quá 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND.

Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát học tập trong nước và ngoài nước.

a) Đối với khảo sát học tập trong nước, mức chi thực hiện theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND; riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Đối với khảo sát học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 4. Thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông.

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại khoản 5 Điều 7, Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND).

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông (cấp tỉnh, huyện). Mức chi thực hiện theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Quy định nội dung và mức chi hoạt động hội giảng nhà giáo, hội thi thiết bị đào tạo tự làm và hội thi tay nghề trên địa bàn tỉnh.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn

quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Xây dựng mô hình trình diễn

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

a) Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới và địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu ở các địa bàn còn lại.

b) Mô hình ứng dụng công nghệ cao: Hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

c) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

2. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của quy định này; chi giải khát giữa giờ theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu). Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND.

3. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định (đối với tất cả các loại mô hình).

4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình: Mức chi áp dụng theo điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Nhân rộng mô hình

1. Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập. Nội dung và mức chi áp dụng tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 và khoản 1, 2 Điều 4 của quy định này.

2. Đối với nội dung chi khác để nhân rộng mô hình (chi phí giống, thiết bị, vật tư thiết yếu, thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo) thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động khuyến nông. Mức chi áp dụng theo chính sách của nguồn vốn lồng ghép hoặc theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 5 của Quy định này.

Điều 7. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của quy định này.
2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của quy định này.
3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyên giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.
2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 9. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.
2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.
3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông
 - a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông. Một số nội dung chi được quy định như sau:

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi

làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành;

Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hoạt động khuyến nông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành.

2. Đối với các hoạt động khuyến nông đã được xây dựng theo quy định hiện hành của tỉnh nhưng chưa được phê duyệt thì điều chỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Quyết định này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán

1. Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ kế hoạch khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp tỉnh và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp huyện, xã theo phân cấp ngân sách và tổng hợp chung cùng thời điểm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán

a) Căn cứ vào dự toán được giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông

ở địa phương được ủy quyền thực hiện phân bổ, giao nhiệm vụ, dự toán kinh phí khuyến nông chi tiết theo đơn vị hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khuyến nông theo quy định hiện hành, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định, đồng thời gửi kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

b) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện kiểm soát chi; Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi cho hoạt động khuyến nông theo quy định.

c) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến nông, có trách nhiệm hạch toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung khuyến nông theo quy định. Đối với các nội dung do đơn vị thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng với cơ quan chủ trì, chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan chủ trì, gồm: Hợp đồng thực hiện hoạt động kèm theo dự toán chi tiết kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu, chứng từ có liên quan khác theo quy định. Các đơn vị trực tiếp thực hiện có trách nhiệm lưu giữ chứng từ, hợp đồng thực hiện, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

d) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến nông phải quyết toán với cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông tại địa phương. Cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông tại địa phương gửi quyết toán năm cho cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, xét duyệt. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 12. Xử lý trong trường hợp rủi ro, bất khả kháng

Trường hợp gặp rủi ro bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh hoặc những yếu tố khách quan xã hội khác theo quy định của pháp luật gây thiệt hại làm ảnh hưởng đến kết quả, đơn vị chủ trì thực hiện phải kịp thời tổ chức đánh giá mức độ thiệt hại, lập biên bản kiểm tra hiện trường và đồng thời báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kinh phí khuyến nông cấp tỉnh, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với kinh phí khuyến nông cấp huyện, thời gian tối đa 02 ngày làm việc, sau khi xảy ra rủi ro. Thành phần tham gia đánh giá gồm: Đại diện đơn vị thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông ở địa phương theo phân cấp, chính quyền cơ sở và đại diện đối tượng hưởng lợi khi tham gia thực hiện các hoạt động khuyến nông.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, xây dựng Chương trình khuyến nông (từ 03 đến 05 năm) và đề xuất thành lập Hội đồng thẩm định; căn cứ kết quả thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của địa phương và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường để tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Chương trình khuyến

nông.

b) Hàng năm đề xuất, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh (nguồn kinh phí cấp tỉnh) sau khi thống nhất ý kiến với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan (thực hiện trước ngày 30 tháng 11) và công bố theo quy định (trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

c) Thực hiện việc theo dõi quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến nông cấp tỉnh được giao hàng năm theo quy định hiện hành; phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đảm bảo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện; hướng dẫn, đề xuất biện pháp giải quyết, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Hàng năm tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp với thực tế sản xuất, đảm bảo hiệu quả của các hoạt động khuyến nông.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch tài chính - ngân sách chương trình khuyến nông của tỉnh và kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến nông hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hàng năm thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn quản lý, sử dụng, kiểm tra quyết toán nguồn kinh phí hàng năm theo quy định.

3. Sở Khoa học công nghệ: Công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ đã được nghiệm thu trên địa bàn tỉnh để các tổ chức, cá nhân khai thác, nghiên cứu ứng dụng phù hợp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đề xuất, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chương trình khuyến nông địa phương (từ 03 đến 05 năm) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hàng năm tổng hợp, xây dựng và phê duyệt kế hoạch khuyến nông trên địa bàn (đối với kinh phí cấp huyện quản lý, sử dụng). Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, kinh phí cấp huyện và các nguồn kinh phí phù hợp khác, thực hiện phân bổ và giao nhiệm vụ, dự toán hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khuyến nông theo quy định.

c) Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến nông theo quy định hiện hành; đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thường xuyên thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông địa phương. Chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện nguồn kinh phí khuyến nông thuộc cấp mình quản lý, sử dụng.

d) Định kỳ 6 tháng, năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và sửa đổi, bổ sung các định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp với thực tế sản xuất và đảm bảo hiệu quả của các hoạt động khuyến nông.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân

a) Hàng năm, đề xuất kế hoạch khuyến nông và dự toán kinh phí chi tiết gửi cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông ở địa phương trước ngày 30 tháng 9. Thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp hàng năm theo dự toán được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí được cấp theo quy định hiện hành.

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông được cấp.

c) Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến nông được giao về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô